TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ ĐỒN** **TỈNH BẮC KẠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: /2018/HNGĐ-ST
Ngày: 26/10/2018
V/v: *Tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ ĐỒN, TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hiến Công Hanh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Viết Tác

Bà Lục Thị Xinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Ma Thị Khuyến, làThư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn *tham gia phiên toà:* Bà Ma Thị Tô Hoài - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 42/2018/TLST-HNGĐ ngày 13/6/2018 về tranh chấp "*Ly hôn, nuôi con chung*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 25/9/2018. Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2018/QĐST-HNGĐ ngày 10/10/2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nông Thanh V – sinh năm 1983. Trú tại: Thôn N, xã Đ, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Nông Văn Kh – sinh năm 1982. Trú tại: Thôn N, xã Đ, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Trong đơn khởi kiện xin ly hôn và trong quá trình tố tụng chị Nông Thanh V trình bày:***

- Về tình cảm: Tôi và anh Kh kết hôn năm 2004 và có đăng ký kết hôn theo pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C, tỉnh Bắc Kạn tại giấy kết hôn số 02 ngày 16/3/2004. Chúng tôi được gia đình hai bên tổ chức cưới xin theo phong tục địa phương, sau khi kết hôn tôi về nhà anh Kh làm dâu và sinh sống cùng bố mẹ chồng ở thôn N, xã Đ, huyện C, tỉnh Bắc Kạn được ba năm. Sau đó, chúng tôi tách

ra sống riêng. Việc kết hôn của chúng tôi là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Chúng tôi chung sống hạnh phúc đến năm 2014, vợ chồng chúng tôi có nhiều mâu thuẫn xảy ra và ngày càng trở nên trầm trọng và đến nay đã không thể hàn gắn được. Nguyên nhân sâu xa của những cãi vã trên là do anh Kh xa vào tệ nạn xã hội tôi và gia đình đã góp ý nhiều lần nhưng anh Kh không chịu sửa đổi. Tôi đã sống ly thân từ năm 2015 đến nay chúng tôi không còn ai quan tâm ai nữa. Nhận thấy chúng tôi không thể kéo dài cuộc sống hôn nhân này nữa nên tôi đề nghị Toà án giải quyết ly hôn cho tôi và anh Kh.

- Về con chung: Chúng tôi có 01 con chung tên là Nông Thị Thùy L sinh ngày 05/12/2004 hiện nay cháu đang ở với tôi. Khi ly hôn tôi có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục cháu L đến khi cháu đủ 18 tuổi và yêu cầu anh Kh cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000^{đ} (một triệu đồng)/ tháng.

- Về tài sản chung: Tôi không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết.

**** Tại biên bản lấy lời khai ngày 12/9/2018, bị đơn anh Nông Văn Kh trình bày:***

- Về tình cảm: Đúng như chị Nông Thanh V trình bày. Tôi và chị V kết hôn năm 2004 và có đăng ký kết hôn theo pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Chúng tôi được gia đình hai bên tổ chức cưới xin theo phong tục địa phương, sau khi kết hôn chị V về nhà tôi làm dâu và sinh sống cùng bố mẹ chồng ở thôn N, xã Đ, huyện C, tỉnh Bắc Kạn được ba năm. Sau đó, chúng tôi tách ra sống riêng. Việc kết hôn của chúng tôi là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Chúng tôi chung sống hạnh phúc đến năm 2014 vợ chồng chúng tôi có nhiều mâu thuẫn xảy ra và ngày càng trở nên trầm trọng và đến nay đã không thể hàn gắn được. Nguyên nhân mâu thuẫn là do đầu năm 2014 chị V và tôi cùng đi làm công nhân ở Bắc Ninh và sau đó chị V tự ý bỏ về nhà một mình và có quan hệ bất chính với người khác, tôi góp ý thì chị V không thừa nhận. Từ năm 2015 chúng tôi sống ly thân và cũng không liên lạc với nhau đến nay. Tôi không muốn ly hôn vì con còn nhỏ, cần có cả bố và mẹ chăm sóc, nhưng chị V đã cương quyết ly hôn thì tôi cũng không níu kéo nữa, tôi đồng ý ly hôn với chị V.

- Về con chung: Chúng tôi có 01 con chung tên là Nông Thị Thùy L sinh ngày 05/12/2004. Khi ly hôn tùy vào nguyện vọng của cháu muốn ở cùng bố hay cùng mẹ. Nếu cháu ở với chị V tôi nhất trí giao con chung cho chị V trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục cháu L đến khi cháu đủ 18 tuổi và tôi sẽ cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000^{đ} (một triệu đồng)/ tháng.

- Về tài sản chung: Tôi không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết.

Trong quá trình tố tụng, nguyên đơn có đề nghị Tòa án không tiến hành hòa

giải, bị đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt trong tất cả các quá trình tố tụng. Do vậy Tòa án không tiến hành hòa giải.

*** Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:**

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và của những người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi Tòa án tiến hành xét xử là đúng quy định của pháp luật. Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì. Trong vụ án này nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập lần thứ hai vắng mặt không có lý do, Viện kiểm sát đề nghị HĐXX tiến hành xét xử vụ án vắng mặt cả nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị Nông Thanh V.

+ Về con chung: Chị Nông Thanh V và anh Nông Văn Kh có 01 con chung tên là Nông Thị Thùy L sinh ngày 05/12/2004. Trong quá trình tố tụng, cháu L có văn bản đề nghị khi bố mẹ cháu ly hôn, cháu có nguyện vọng sống chung với mẹ. Chị V cũng có nguyện vọng trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục cháu L đến khi cháu đủ 18 tuổi và anh Kh cũng nhất trí với nguyện vọng của con chung. Do vậy, giao cháu Nông Thị Thùy L cho Chị V trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục cháu L đến khi cháu đủ 18 tuổi, anh Kh có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000^{đ} (một triệu đồng)/ tháng.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

+ Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa sơ thẩm; trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tòa án nhân dân huyện Chợ Đồn thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định pháp luật.

[2] Về trình tự, thủ tục tố tụng: Ngày 13/6/2018, Tòa án nhân dân huyện Chợ Đồn thụ lý vụ án. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ, ngày 24/9/2018 nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, bị đơn đề nghị giải quyết vắng mặt tại tất cả các quá trình tố tụng. Ngày 25/9/2018 Tòa án đưa vụ án ra xét xử là đúng trình tự, thời hạn theo quy định của pháp luật tố tụng. Tại phiên tòa ngày 10/10/2018 bị đơn vắng mặt, nhưng do bị đơn không có đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt, vì

vậy hội đồng xét xử đã hoãn phiên tòa. Ngày 12/10/2018, nguyên đơn chị Nông Thanh V có đơn đề nghị xét xử vắng mặt (Đơn có xác nhận của UBND xã Đ, huyện C, tỉnh Bắc Kạn).

Tại điểm a khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự quy định:

"a) Nguyên đơn vắng mặt mà không có người đại diện tham gia phiên tòa thì bị coi là từ bỏ việc khởi kiện và Tòa án ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án đối với yêu cầu khởi kiện của người đó, trừ trường hợp người đó có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Nguyên đơn có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật;"

Tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự quy định: Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án trong các trường hợp sau đây:

1. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người đại diện của họ vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt

Căn cứ vào các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự đã viện dẫn ở trên. HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Qua tổng hợp lời trình bày của các bên đương sự và qua xác minh tình trạng hôn nhân tại địa phương, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Chị Nông Thanh V và anh Nông Văn Kh có hôn nhân hợp pháp, anh chị đã đăng ký kết hôn tự nguyện theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C, tỉnh Bắc Kạn ngày 16/3/2004 tại giấy kết hôn số 02. Sau khi kết hôn anh chị đã có thời gian chung sống với nhau hạnh phúc, từ năm 2014 vợ chồng anh chị hay xảy ra nhiều mâu thuẫn, cãi vã nhau thường xuyên. Nguyên nhân mâu thuẫn được xác định là do cả anh và chị không thấu hiểu nhau trong cuộc sống dẫn đến những bất đồng và hệ lụy không đáng có, từ đó mâu thuẫn trầm trọng và không ai quan tâm đến ai dẫn đến việc đời sống chung không thể kéo dài và anh chị đã sống ly thân từ năm 2015. Mâu thuẫn của anh chị, họ hàng hai bên gia đình đều biết và khuyên bảo nhưng anh chị vẫn không thể hòa hợp.

Điều 56. Luật hôn nhân gia đình quy định:

1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị V và anh Kh đã đến mức độ trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, việc chị V đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết ly hôn là có căn cứ cần được xem xét, chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị Nông Thanh V và anh Nông Văn Kh có 01 con chung tên là Nông Thị Thùy L sinh ngày 05/12/2004. Trong quá trình tố tụng, cháu L có văn bản đề nghị khi bố mẹ cháu ly hôn, cháu có nguyện vọng sống chung với mẹ. Chị V cũng có nguyện vọng trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục cháu L đến khi cháu đủ 18 tuổi và anh Kh cũng nhất trí với nguyện vọng của con chung. Do vậy, giao cháu Nông Thị Thùy L cho Chị V trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục cháu L đến khi cháu đủ 18 tuổi, anh Kh có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000^{đ} (một triệu đồng)/ tháng.

Anh Kh có quyền đi lại thăm nom con chung theo quy định của pháp luật mà không ai được cản trở.

[5] Về yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung: Do trong quá trình tố tụng chị V và anh Kh không có yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết chia tài chung và nợ chung nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Chị Nông Thanh V và anh Nông Văn Kh phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo thời hạn quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83, 110 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tuyên xử:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Nông Thanh V. Chị Nông Thanh V được ly hôn với anh Nông Văn Kh.

- *Về nuôi con chung*: Giao con chung Nông Thị Thùy L cho Chị V trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục cháu L đến khi cháu đủ 18 tuổi, anh Kh có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000^{đ} (một triệu đồng)/tháng. Thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Anh Kh có quyền đi lại thăm nom con chung theo quy định của pháp luật mà không ai được cản trở.

Việc thi hành án khoản tiền cấp dưỡng nuôi con được thực hiện theo Điều 357 của Bộ luật dân sự.

- *Về án phí:* Áp dụng khoản 4 Điều 147/BLTTDS; Luật án phí, lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí của Tòa án.

Chị Nông Thanh V phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị V đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 05968 ngày 13 tháng 6 năm 2018 của Chi cục thi hành án huyện Chợ Đồn, chị Nông Thanh V đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Anh Nông Văn Kh phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Án xử công khai sơ thẩm, chị V, anh Kh vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Tòa án ND tỉnh;
- VKS huyện Chợ Đồn;
- THADS huyện Chợ Đồn;
- UBND xã Đ, huyện C;
(Nơi đăng ký kết hôn)
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VT .

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Hiến Công Hanh